

Bản án số: 473/2022/HS-PT
Ngày 18 – 7 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán:

Ông Tô Chánh Trung

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 243/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo Kiều Xuân H, Trần Đức C, Hồ Hoài N do có kháng cáo của bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Kiều Xuân H (Tý), sinh năm 1980 tại tỉnh Bình Phước; đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Xuân Th và bà Thi Thị Ch vợ: Trần Huỳnh Kim H; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Trần Đức C, sinh năm 1980 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 23, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công C và bà Bùi Thị M; vợ: Trịnh Thị V; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Hồ Hoài N, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 95/2 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn H và bà Lê Thị Ngọc Th; vợ: Đặng Thị Cẩm H; con: có một người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Kiều Xuân H:* Luật sư Trần Thị Cẩm T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam;

Địa chỉ: Lô EI-7, EI-8, EI-9, Khu công nghiệp G, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số;

Đại diện theo pháp luật: Ông U DE MARCO; sinh năm 1987 (quốc tịch Italy); là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; là Phó Tổng giám đốc Công ty (Theo giấy ủy quyền ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam (Công ty C), địa chỉ trụ sở tại Lô EI-7, EI-8, EI-9, Khu công nghiệp G, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số; do ông U DE MARCO, sinh năm 1987, quốc tịch Italia là người đại diện theo pháp luật. Ngành nghề kinh doanh là sản xuất da công nghiệp.

Kiều Xuân H là nhân viên hợp đồng lao động từ tháng 7 năm 2017, với nhiệm vụ quản lý xuất nhập kho nguyên liệu của công ty C. Vào tháng 5 năm 2020, H thấy việc quản lý xuất nhập hóa chất của công ty có nhiều sơ hở nên có ý định lấy cắp hóa chất của công ty. Để thực hiện ý định H gặp Trần Đức C, là tài xế chở thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn P, địa chỉ: Số 93, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hồ Hoài N là tài xế giao hóa chất của Công ty hóa chất S, địa chỉ Quốc lộ 1A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do biết C và N thường xuyên giao hóa chất cho công ty nên H bàn bạc, trao đổi việc lấy hóa chất của công ty để C và N chở hóa chất đi tiêu thụ lấy tiền chia nhau; nếu bị phát hiện thì nói hóa chất của công ty trả về, tất cả đồng ý. Để lấy được hóa chất trong kho ra ngoài, Kiều Xuân H với nhiệm vụ là người quản lý kho vừa là người viết phiếu xuất hóa chất xuống xưởng của công ty để đưa vào pha chế, sản xuất ra hàng hóa mà không có người kiểm tra. Lợi dụng vào việc này để hợp thức hóa các phiếu

xuất kho số 2402 ngày 26/5/2020; số 2403 ngày 27/5/2020 và phiếu số 2406 ngày 29 tháng 5 năm 2020. Ngoài số hóa chất xuất đưa xuống xưởng, H ghi thêm 10 thùng hóa chất, trong đó có 07 thùng hóa chất có nhãn hiệu JF-S-8030 D (trọng lượng 190kg/thùng) 03 thùng hóa chất còn lại gồm: 01 thùng có nhãn hiệu D-ACE: 2205 (trọng lượng 180kg/thùng); 01 thùng có nhãn hiệu D-ACE 2055 (trọng lượng 180kg/thùng); 01 thùng có nhãn hiệu D-ACE:1930 (trọng lượng 180kg/thùng).

Ngày 02/6/2020, Trần Đức C điều khiển xe tải biển kiểm soát 60C- 040xx chở hóa chất từ Thành phố Hồ Chí Minh về giao nhập kho công ty do H quản lý. Sau khi nhập xong H dùng xe nâng vận chuyển 06 thùng hóa chất có nhãn hiệu JF S-8030 D từ trong kho lên xe tải do C điều khiển chở về Thành phố Hồ Chí Minh bán cho Nguyễn Văn D, sinh năm 1981; nơi cư trú: đường 102, Khu phố 7, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 34.200.000 đồng.

Với hành vi tương tự ngày 03/6/2020, Trần Đức C tiếp tục điều khiển xe tải biển kiểm soát 60C-040xx chở hóa chất từ Thành phố Hồ Chí Minh về giao cho công ty C. Sau khi giao hàng nhập kho xong H lấy 04 thùng hóa chất có nhãn hiệu JF-S-8030 D, 01 thùng có nhãn hiệu D-ACE: 2205; 01 thùng có nhãn hiệu D-ACE 2055; 01 thùng có nhãn hiệu D-ACE:1930 từ trong kho và dùng xe nâng đưa lên xe tải của C để chở về Thành phố Hồ Chí Minh bán cho Nguyễn Quang L, sinh năm 1964; nơi cư trú: đường B, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 18.500.000 đồng.

Tổng số tiền bán 10 thùng hóa chất là 52.700.000 đồng; ngày 04/6/2020 C đã chuyển vào tài khoản của H mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bến Tre số tiền 26.000.000 đồng, còn lại 26.700.000 đồng C tiêu xài cá nhân.

Với hành vi như trên ngày 05/6/2020 phiếu xuất kho số 2412 Kiều Xuân H, cũng ghi không thêm 02 thùng hóa chất hiệu Toluene. Cùng ngày Hồ Hoài N điều khiển xe tải biển kiểm soát 51C-030xx đến giao hóa chất cho công ty C. Sau khi giao hàng xong, H lấy 02 thùng hóa chất nhãn hiệu Toluene dùng xe nâng đưa lên xe của N để chở đi bán, khi N điều khiển xe chạy ra cổng của công ty C thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng tài liệu, đồ vật thu giữ gồm: 12 thùng hóa chất gồm: 02 thùng hóa chất hiệu Toluene (trọng lượng 179kg/thùng); 07 thùng hóa chất bên ngoài dán nhãn hiệu JF-S-8030 D (trọng lượng 190kg/thùng); 01 thùng hóa chất bên ngoài dán nhãn hiệu D-ACE: 2205 (trọng lượng 180kg/thùng); 01 thùng hóa chất bên ngoài dán nhãn hiệu D-ACE: 2055 (trọng lượng 180kg/thùng); 01 thùng hóa chất bên ngoài dán nhãn hiệu D-ACE: 1930 (trọng lượng 180kg/thùng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre kết luận: 10 thùng hóa chất trị giá 97.930.991 đồng; 02 thùng Toluene trị giá 8.781.740 đồng; tổng cộng 12 thùng hóa chất trị giá 106.712.731 đồng.

Kết luận giám định số 148/2021/GĐTL ngày 27/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận chữ viết trên 04 Phiếu xuất kho 2402, 2403, 2406, 2412 và chữ ký dưới mục “Người lập phiếu”, mục “Thủ kho” trong 03 Phiếu xuất kho 2402, 2403, 2406 là chữ ký và chữ viết của Kiều Xuân H.

Do đây là hóa chất độc hại, chuyên dùng, có hạn sử dụng nên không thể tạm giữ tại Kho vật chứng. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre đã tiến hành xử lý vật chứng giao trả lại cho Công ty C 12 thùng hóa chất nêu trên để xử lý theo quy định.

Tiếp tục tạm giữ của Công ty C 01 USB Sandick dung lượng 64GB bên trong có chứa 02 thư mục gồm:

- Thư mục “Cam 29 và Cam04 02-03.06.2020” bên trong chứa 338 file dữ liệu camera dung lượng 42,6GB hình ảnh của công ty từ ngày 02-03/6/2020.

- Thư mục “Cam 29 05.06.2020” bên trong chứa 79 file dữ liệu camera dung lượng 9,35GB hình ảnh của công ty ngày 05/6/2020. USB sau giám định được niêm phong trong phong bì, có đóng dấu của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm giữ của Kiều Xuân H 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, đã qua sử dụng số IMEL355696074885xxx số sim 0986541xxx đã niêm phong có chữ ký của bị cáo Kiều Xuân H.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKSBT-P1 ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Kiều Xuân H về “Tội tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Trần Đức C về “Tội tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Hồ Hoài N về “Tội tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Kiều Xuân H, Trần Đức C, Hồ Hoài N phạm “Tội tham ô tài sản”;

1. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Kiều Xuân H 06 (sáu) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đức C 05 (năm) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hồ Hoài N 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Kiều Xuân H 6 năm tù giam, Trần Đức C 5 năm tù giam, Trần Hoài Nhân 01 năm tù giam là quá nặng, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cụ thể: Bị cáo H từ 6 năm giam còn 3 năm, bị cáo C từ 5 năm giam còn 2 năm, bị cáo N từ 1 năm giam còn 3 tháng tù (hoặc cho hưởng án treo).

Các bị cáo có ý kiến là xin xem xét giảm nhẹ hình phạt như kháng cáo của bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng hành vi phạm tội của các bị cáo, đúng tội danh, điều khoản áp dụng và tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ. Bị hại làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng cũng không cung cấp được tình tiết đặc biệt nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 4 năm 2022, bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị hại làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Các bị cáo Kiều Xuân H, Trần Đức C, Hồ Hoài N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo trạng đã truy tố và bản án sơ thẩm đã quy kết, trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thể hiện như sau:

Kiều Xuân H là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam theo hợp đồng lao động số: HĐLĐ/2017038 đã ký vào ngày 04/7/2017; thời hạn hợp đồng lao động bắt đầu từ ngày 04/7/2017 và kết thúc vào ngày 03/7/2020, được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý xuất nhập kho nguyên liệu, hóa chất của công ty C và là người viết phiếu xuất hóa chất xuống xưởng của công ty để đưa vào sản xuất. Lợi dụng nhiệm vụ được phân công H đã trao đổi, bàn bạc với Trần Đức C, Hồ Hoài N (là tài xế xe tải thường xuyên giao hóa chất cho Công ty C) lấy hóa chất mà H trực tiếp quản lý, giao cho C và N chở đi tiêu thụ, bán lấy tiền chia nhau, C và N đồng ý.

Lần lượt vào các ngày 02/6/2020 và 03/6/2020, Kiều Xuân H đã cấu kết với Trần Đức C lấy từ trong kho của công ty C 06 thùng hóa chất có nhãn hiệu JF-S-8030 D và 04 thùng hóa chất có nhãn hiệu gồm: 01 thùng JF-S-8030-D, 01 thùng D-ACE: 2205; 01 thùng D-ACE: 2055; 01 thùng D-ACE:1930, đưa lên xe tải biển kiểm soát 60C-040xx do C điều khiển, chở về Thành phố Hồ Chí Minh bán. Tổng số tiền bán 10 thùng hóa chất là 52.700.000 đồng, C đã chia cho H 26.000.000 đồng, số còn lại 26.700.000 đồng C tiêu xài. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre kết luận 10 thùng hóa chất trị giá 97.930.991 đồng.

Với hành vi tương tự, ngày 05/6/2020, Kiều Xuân H đã cấu kết với Hồ Hoài N lên xe tải biển kiểm soát 51C-030.05 do N điều khiển, để chở đi bán, khi N điều khiển xe chạy ra cổng của công ty C thì bị phát hiện bắt quả tang. Trên phiếu xuất kho số 02412, ngày 05/6/2020 H đã ghi không thêm 02 thùng hóa chất hiệu Toluene. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre kết luận 02 thùng Toluene xác định trị giá 8.781.740 đồng.

Tổng trị giá tài sản của 12 thùng hóa chất là 106.712.731 đồng.

[2.2] Kiều Xuân H đã lợi dụng nhiệm vụ được phân công cấu kết với Trần Đức C và Hồ Hoài N chiếm đoạt tài sản là 12 thùng hóa chất của công ty C với tổng giá trị là 106.712.731 đồng. Đối chiếu với trường hợp phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị Kiều Xuân H, Trần Đức C, Hồ Hoài N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kiều Xuân H theo điểm c, d khoản 2 Điều 353; bị cáo Trần Đức C theo điểm c khoản 2 Điều 353 và bị cáo Hồ Hoài N theo khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì thế cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo đồng thời làm gương cho người khác.

[2.3] Xét kháng cáo của bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với lý do: các bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, là trụ cột chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo đã khắc phục được hoàn toàn hậu quả cho công ty và công ty không muốn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng và đã tuyên phạt bị cáo Kiều Xuân H 06 năm tù; bị cáo Trần Đức C 05 năm tù và bị cáo Hồ Hoài N 01 năm tù là không nặng nên không có căn cứ để xét giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì đặc biệt mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam.

[3] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn C Việt Nam về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Kiều Xuân H, Trần Đức C, Hồ Hoài N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

1. Tuyên bố các bị cáo Kiều Xuân H, Trần Đức C, Hồ Hoài N phạm “Tội tham ô tài sản”;

1.1. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Kiều Xuân H 06 (sáu) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đức C 05 (năm) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hồ Hoài N 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồ Tâm Tú